

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/DS-ST
Ngày 23 - 8 - 2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Dũ.

2. Bà Bùi Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Kiều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Văn S, sinh năm 1975, địa chỉ cư trú: Ấp D, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Bị đơn:

1. Huỳnh Văn N, sinh năm 1959, địa chỉ cư trú: Ấp D, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bùi Thị T (vợ ông N), sinh năm 1959, địa chỉ cư trú: Ấp D, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3. Huỳnh Thanh T (con ông N), sinh năm 1988, địa chỉ cư trú: Ấp D, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 5 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Phan Văn S trình bày: Ngày 18-8-2008 âm lịch (nhằm ngày 17-9-2008 dương lịch), ông Nguyễn Văn N, bà Bùi Thị T và anh Huỳnh Thanh T có vay của ông S số tiền là 5.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng; ngày 26-8-2008 âm lịch (nhằm ngày 25-9-2008 dương lịch) vay tiếp số tiền là 2.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng; ngày 11-11-2008 âm lịch (nhằm ngày 07-12-2008 dương lịch) vay tiếp số tiền là 20.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng, các lần vay trên đều là bà T là người đến nhận tiền vay và viết biên nhận nợ.

Ngày 17-01-2009 âm lịch (nhằm ngày 11-02-2009 dương lịch) vay tiếp số tiền là 50.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng; ngày 24-01-2009 âm lịch (nhằm ngày 18-02-2009 dương lịch) vay tiếp số tiền là 50.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng, (02) hai lần vay này do bà T và anh T cùng ra nhà ông S nhận tiền vay, anh T viết biên nhận và ký tên thay cho ông N.

Thời hạn trả nợ thì theo các biên nhận không có ghi thời gian trả nợ, nhưng có thỏa thuận bên ngoài là sau khi vay tiền trên, khi nào ông N và bà T thu hoạch lúa xong vụ lúa năm 2009 sẽ trả lại số tiền gốc và lãi cho ông S nhưng đến nay không trả. Mục đích vay tiền của gia đình ông N về mua máy cày phục vụ cho kinh tế gia đình.

Do đó, ông S yêu cầu ông N, bà T và anh T phải liên đới trả số tiền gốc là 127.000.000đồng và tiền lãi tính như sau:

Từ ngày 17-9-2008 đến ngày 09-5-2017 là 104 tháng 04 ngày x 5.000.000đồng x 1,5%/tháng = 7.810.000đồng.

Từ ngày 25-9-2008 đến ngày 09-5-2017 là 103 tháng 18 ngày x 2.000.000đồng x 1,5% /tháng = 3.108.000đồng.

Từ ngày 07-12-2008 đến ngày 09-5-2017 là 100 tháng 27 ngày x 20.000.000đồng x 1,5%/tháng = 30.270.000đồng.

Từ ngày 11-02-2009 đến ngày 09-5-2017 là 98 tháng 27 ngày x 50.000.000đồng x 1,5%/tháng = 74.175.000đồng.

Từ ngày 18-02-2009 đến ngày 09-5-2017 là 98 tháng 20 ngày x 50.000.000đồng x 1,5%/tháng = 74.000.000đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 189.363.000đồng.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 31-5-2017 và biên bản hòa giải ngày 06-6-2017, ông S chỉ yêu cầu ông Huỳnh Văn N, bà Bùi Thị T và anh Huỳnh Thanh T phải liên đới trả số tiền vay còn thiếu gốc là 127.000.000đồng, không tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Phan Văn S yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Huỳnh Văn N, bà Bùi Thị T và anh Huỳnh Thanh T phải liên đới trả số tiền vay còn thiếu gốc là 127.000.000đồng, không tính lãi.

Còn đối với số tiền 10.000.000đồng mà vợ chồng ông N nói là trả cho ông S thì không có, vì từ khi vay đến nay vợ chồng ông N chưa trả tiền gốc hoặc tiền lãi cho ông S.

Trong bản ghi ý kiến đề ngày 25 tháng 5 năm 2017 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Huỳnh Văn N trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông S là vào ngày 18-8-2008 âm lịch (nhằm ngày 17-9-2008 dương lịch) ông N, bà T có vay của ông S số tiền là 5.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng; ngày 26-8-2008 âm lịch (nhằm ngày 25-9-2008 dương lịch) vay tiếp số tiền là 2.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng; ngày 11-11-2008 âm lịch (nhằm ngày 07-12-2008 dương lịch) vay tiếp số tiền là 20.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng, các lần vay này do bà T là người đến nhận tiền vay và viết biên nhận nợ.

Ngày 17-01-2009 âm lịch (nhằm ngày 11-02-2009 dương lịch) vay tiếp số tiền là 50.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng; ngày 24-01-2009 âm lịch (nhằm ngày 18-02-2009 dương lịch) vay tiếp số tiền là 50.000.000đồng, lãi suất 1,5%/tháng, 02 (hai) lần vay này do anh T con ông N là người viết biên nhận và ký tên thay cho ông N. Tổng cộng với số tiền gốc là 127.000.000đồng, các lần vay tiền trên của ông S con ông N tên (T) đều biết rõ là vay tiền của ông S về mua máy cày phục vụ cho kinh tế gia đình.

Năm 2009, vợ chồng ông N có trả cho ông S được 10.000.000đồng, nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 10.000.000đồng đã trả cho ông S. Do đó, ông N thống nhất còn thiếu tiền vay gốc là 127.000.000đồng và đồng ý liên đới cùng bà T trả cho ông Phan Văn S tiền vay trên, không tính lãi. Nhưng yêu cầu trừ số tiền 10.000.000đồng đã trả cho ông S. Đến năm 2012, con ông N (T) đã có gia đình và ở riêng nên không liên quan gì đến số tiền mà vợ chồng ông N vay của ông S. Nên không đồng ý Huỳnh Thanh T liên đới cùng trả tiền vay trên cho ông S.

Trong bản ghi ý kiến đề ngày 25 tháng 5 năm 2017 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Bùi Thị T trình bày: Thống nhất toàn bộ theo lời trình bày của ông Huỳnh Văn N và đồng ý liên đới cùng ông Huỳnh Văn N trả cho ông Phan Văn S số tiền vay còn thiếu gốc là 127.000.000đồng, không tính lãi. Nhưng yêu cầu trừ số tiền 10.000.000đồng đã trả cho ông S. Nên không đồng ý Huỳnh Thanh T liên đới cùng trả số tiền vay trên cho ông S.

Trong bản ghi ý kiến đề ngày 25 tháng 5 năm 2017 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Huỳnh Thanh T trình bày: Thống nhất toàn bộ theo lời khai của ông N và bà T. Vì trước đây anh T còn sống chung với gia đình và biết ông N và bà T có vay của ông S tổng cộng 05

(năm) lần vay trên với số tiền là 127.000.000đồng, mục đích về mua máy cày phục vụ kinh tế gia đình. Theo biên nhận ngày 17-01-2009 âm lịch (nhằm ngày 11-02-2009 dương lịch) và ngày 24-01-2009 âm lịch (nhằm ngày 18-02-2009 dương lịch), anh T là người viết biên nhận và ký thay cho ông N (cha anh T). Còn các biên nhận trước thì do mẹ ông T (bà T) viết biên nhận với ông S. Đến năm 2012, anh T có gia đình và ở riêng nên anh T không đồng ý liên đới cùng ông N, bà T trả số tiền vay trên cho ông S.

Ý kiến phát biểu của viện kiểm sát:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Tuy nhiên, việc xác định tư cách Hội đồng xét xử chưa đúng, cần thiết phải đưa vợ ông S tên Trần Thị P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì nguồn tiền ông S cho vợ chồng ông N vay là tiền vay từ tài sản chung của vợ chồng ông S và bà P có tranh chấp gì trong vụ án này hay không? Và có nhận số tiền 10.000.000đồng từ các bị đơn đã trả hay không?

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Ông S có cho vợ chồng ông N và bà T vay tổng cộng số tiền gốc là 127.000.000đồng theo các biên nhận nợ ngày 18-8-2008 âm lịch nhằm ngày 17-9-2008 dương lịch. Ngày 26-8-2008 âm lịch nhằm ngày 25-9-2008 dương lịch. Ngày 11-11-2008 âm lịch nhằm ngày 07-12-2008 dương lịch. Ngày 17-01-2009 âm lịch nhằm ngày 11-02-2009 dương lịch. Ngày 24-01-2009 âm lịch nhằm ngày 18-02-2009 dương lịch. Đến ngày 10-5-2017 ông S nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng. Ngày 15-5-2017 Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý vụ án, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án trên ông N, bà T đều thừa nhận là có vay tổng số tiền 127.000.000 đồng của ông S. Như vậy, hợp đồng vay tài sản (tiền) nêu trên được bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 162 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] *Xét về yêu cầu khởi kiện*: Ngày 09-5-2017 ông Phan Văn S có đơn khởi kiện yêu cầu ông N, bà T và anh T trả số tiền vay còn thiếu gốc là

127.000.000đồng, tiền lãi là 189.363.000đồng, tổng cộng gốc và lãi là 316.363.000đồng và được Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý ngày 15-5-2017, nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông S thay đổi yêu cầu là không yêu cầu các bị đơn trả lãi suất đối với số tiền gốc 127.000.000đồng. Đây là, sự tự nguyện của đương sự được quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét yêu cầu của ông Phan Văn S yêu cầu ông Huỳnh Văn N, bà Bùi Thị T và anh Huỳnh Thanh T phải liên đới trả số tiền vay còn thiếu gốc là 127.000.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông N, bà T và anh T đều thừa nhận còn nợ ông S số tiền gốc 127.000.000đồng và có viết biên nhận phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*, nên chấp nhận.

Ông Huỳnh Văn N, bà Bùi Thị T không đồng ý liên đới cùng anh Huỳnh Thanh T trả số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 127.000.000đồng cho ông S, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông N, bà T và anh T đều khai số tiền vay trên của ông S, anh T đều biết rõ. Nhưng đến năm 2012, anh T có gia đình ở riêng nên không đồng ý liên đới cùng ông N và bà T trả số tiền vay trên cho ông S, mặc dù hiện nay anh T có gia đình ở riêng, nhưng khi anh T còn sống chung với ông N và bà T thì biết rõ ông N và bà T vay tiền của ông S là 127.000.000đồng số tiền vay này ông N và bà T sử dụng vào mục đích mua máy cày để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu trong gia đình và phát triển kinh tế gia đình, trong đó có anh T. Do đó, ông N, bà T và anh T phải có trách nhiệm liên đới cùng trả cho ông S số tiền vay còn thiếu 127.000.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 10.000.000đồng: Bên ông N khai đã trả cho ông S, nhưng ông S không thừa nhận và bên ông N cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Nhưng vợ chồng ông N yêu cầu khấu trừ số tiền 10.000.000đồng vào số tiền 127.000.000đồng là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

Đối với tiền lãi: Do ông Phan Văn S không yêu cầu ông N, bà T và anh T trả tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Phan Văn S là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định tạm ngừng phiên tòa cần thiết phải đưa vợ ông S tên Trần Thị P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vì nguồn tiền ông S cho vợ chồng ông N vay là tiền vay từ tài sản chung của vợ chồng ông S và bà P có tranh chấp gì trong vụ án này hay không? Và có nhận số tiền 10.000.000đồng từ các bị đơn

đã trả hay không? Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

Hội đồng xét xử nhận định không chấp nhận yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát vì tại phiên tòa nguyên đơn ông S chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên trả cho một mình ông S, ông cho rằng số tiền này tuy vay từ tài sản chung của vợ chồng, nhưng khi vay tiền về ông sử dụng vào mục đích gì thì bà P không có ý kiến và vợ chồng ông cũng không tranh chấp gì trong vụ án này. Đồng thời, tại phiên tòa các bị đơn khẳng định không có tài liệu, chứng cứ chứng minh là có trả cho vợ chồng ông S 10.000.000đồng và đồng ý trả nợ cho một mình ông S. Đây là, sự tự nguyện của đương sự được quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[5] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Do yêu cầu của ông Phan Văn S được Tòa án chấp nhận, nên ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Do yêu cầu của ông Phan Văn S được Tòa án chấp nhận, nên ông N, bà T và anh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là $127.000.000\text{đồng} \times 5\% = 6.350.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 162, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phan Văn S.
2. Buộc ông Huỳnh Văn N, bà Bùi Thị T và anh Huỳnh Thanh T phải liên đới trả cho ông Phan Văn S tiền vay còn thiếu gốc 127.000.000đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu đồng), không tính lãi.
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi chậm trả

theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Phan Văn S 7.909.000đồng (Bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: BN/2013 03649 ngày 15-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Huỳnh Văn N, bà Bùi Thị T và anh Huỳnh Thanh T phải liên đới chịu 6.350.000đồng (Sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23-8-2017).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Bé Hương